



Báo cáo tài chính tổng hợp
đã được kiểm toán

**CTCP CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính tổng hợp
của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944 Fax: (028) 38.205.942 Website: www.aasc.com.vn Email: info@aasc.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

- Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

- Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

- Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Mô hình hoạt động :

Công ty có 01 công ty con và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

+ Công ty con:

Đơn vị : Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

Tỷ lệ lợi ích : 65%

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65%

Các đơn vị trực thuộc

- Văn phòng
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý chung
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông



II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

III CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
- Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
- Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 05 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 05 năm 2021
- Ban Kiểm soát		
Ông Lê Mạnh Thu	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021
Ông Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2021

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

VI CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp này;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 28 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Số: 186 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp được lập ngày 28/02/2022 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc - CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trình bày từ trang 7 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		334.164.585.566	344.882.793.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.743.349.097	40.098.763.752
Tiền	111		19.743.349.097	40.098.763.752
Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.089.490.414	196.255.096.808
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	132.772.865.273	164.914.819.338
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.249.599.491	17.505.073.924
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	28.232.357.994	21.687.528.418
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(8.165.332.344)	(7.852.324.872)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	89.911.846.232	87.490.084.480
Hàng tồn kho	141		89.911.846.232	87.490.084.480
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.419.899.823	21.038.848.109
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	11.074.232.346	12.157.559.754
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.231.656.452	8.148.310.814
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.114.011.025	732.977.541
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.380.929.693	43.212.517.266
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.209.957.128	26.589.722.551
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	31.209.957.128	26.589.722.551
- Nguyên giá	222		81.965.543.536	71.959.646.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.755.586.408)	(45.369.923.712)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		173.100.000	173.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.100.000)	(173.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	-	4.586.954.545
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	4.586.954.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		3.900.000.000	3.900.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.270.972.565	8.135.840.170
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.270.972.565	8.135.840.170
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		375.545.515.259	388.095.310.415



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		271.846.097.745	286.902.806.954
I. Nợ ngắn hạn	310		271.846.097.745	286.902.806.954
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	114.016.502.773	134.421.232.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		58.337.478.049	56.451.348.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	381.731.165	1.388.268.089
Phải trả người lao động	314		10.426.969.440	12.355.594.367
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	80.875.628.114	48.466.339.841
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	8.317.448.822	35.005.288.756
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(509.660.618)	(1.185.264.640)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.699.417.514	101.192.503.461
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	103.699.417.514	101.192.503.461
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.619.661.304	2.028.139.464
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.079.756.210	8.164.363.997
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		201.754.798	428.927.202
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.878.001.412	7.735.436.795
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		375.545.515.259	388.095.310.415

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	378.294.723.115	446.607.102.671
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		378.294.723.115	446.607.102.671
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	344.988.107.414	408.271.363.291
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.306.615.701	38.335.739.380
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.044.008.568	1.835.671.276
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.209.439.243	1.767.004.650
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.209.439.243	1.767.004.650
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.692.306.393	22.792.135.627
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.448.878.633	15.612.270.379
Thu nhập khác	31	VI.5	-	207.772.728
Chi phí khác	32	VI.6	-	950.885.369
Lợi nhuận khác	40		-	(743.112.641)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.448.878.633	14.869.157.738
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.570.877.221	3.038.720.943
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		9.878.001.412	11.830.436.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Hạnh

Lê Nga Phương

Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.448.878.633	14.869.157.738
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		5.385.662.696	5.291.496.521
- Các khoản dự phòng	03		313.007.472	344.058.342
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.044.008.568)	(1.934.916.264)
- Chi phí lãi vay	06		1.209.439.243	1.767.004.650
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.312.979.476	20.336.800.987
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		39.975.174.345	5.449.569.138
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(2.421.761.752)	(35.970.400.044)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		11.944.831.407	16.641.668.605
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.948.195.013	(5.827.651.003)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.209.439.243)	(1.767.004.650)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.500.000.000)	(2.033.157.727)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.5	2.366.087.359	2.160.158.560
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII.5	(1.690.483.337)	(2.576.291.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.725.583.268	(3.586.307.595)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.005.897.273)	(3.435.248.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	202.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.490.419.529	1.461.271.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.515.477.744)	(1.771.659.360)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		39.532.870.339	79.167.679.921
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.220.710.273)	(82.258.717.247)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.877.680.245)	(7.864.994.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.565.520.179)	(10.956.032.080)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		23.644.585.345	(16.313.999.035)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40.098.763.752	56.412.762.787
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		63.743.349.097	40.098.763.752

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lấp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm 1 Công ty con và 9 Xí nghiệp trực thuộc

a. Công ty con : 01 Công ty

Công ty : Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65 %

b. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc	Hoạt động kinh doanh chính
- Văn phòng Công ty	: Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	: Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	: Thi công công trình giao thông

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty	Quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà	Công ty con

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	84.977.635	55.847.688
Văn phòng Công ty	81.869.366	52.780.535
Các Xí nghiệp trực thuộc	3.108.269	3.067.153
- Tiền gửi ngân hàng	19.658.371.462	40.042.916.064
Văn phòng Công ty	13.696.895.179	37.834.164.655
Các Xí nghiệp trực thuộc	5.961.476.283	2.208.751.409
- Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	-
Văn phòng Công ty	44.000.000.000	-
Các Xí nghiệp trực thuộc	-	-
Cộng	63.743.349.097	40.098.763.752

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- 2.1. Chứng khoán kinh doanh
- 2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- 2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	3.900.000.000	-	3.900.000.000	3.900.000.000	-	3.900.000.000
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà (*)	3.900.000.000	-	3.900.000.000	3.900.000.000	-	3.900.000.000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	3.900.000.000	-	3.900.000.000	3.900.000.000	-	3.900.000.000

Ghi chú:

-(*) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình Cầu Phà được thành lập theo Nghị quyết số 45/NQ-CTCP-HDQT ký ngày 03 tháng 07 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 08 năm 2017.

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với công ty con: Xem thuyết minh VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

3.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 1	2.717.599.932	8.300.005.490
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2	7.881.720.936	14.641.105.502
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 3	2.941.710.385	5.091.202.269
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 4	2.687.130.867	8.170.494.350
Khu quản lý đường thủy nội địa	9.882.183.916	11.651.621.017
BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè	2.687.322.000	3.941.073.000
BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM	1.111.449.753	7.329.210.850
BQL CT CC Huyện Tam Nông	344.906.000	344.906.000
Trung tâm quản lý đường hầm Sông Sài Gòn	1.625.356.550	2.464.220.569
Công ty TNHH Đầu tư Phước Kiển	1.209.828.909	1.209.828.909
CTCP tư vấn thiết kế Toàn Cầu	9.028.800.000	9.028.800.000
BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	11.943.205.702	18.599.199.969
Các khoản phải thu khách hàng khác	78.711.650.323	74.143.151.413
Cộng	132.772.865.273	164.914.819.338

3.2. Dài hạn

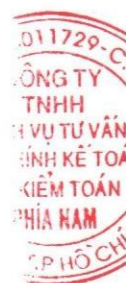
3.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

4.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng	261.477.000	939.391.500
Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn	116.235.000	116.235.000
CTCP XNK TMDV Du Lịch Táo Đỏ	-	210.094.500
Cty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn - SJC	-	450.660.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	145.242.000	162.402.000
Xí nghiệp	8.988.122.491	16.565.682.424
Xí nghiệp công trình 1	154.172.900	396.907.800
Xí nghiệp công trình 2	49.252.000	308.013.377
Xí nghiệp công trình 3	1.376.690.120	1.762.956.712
Xí nghiệp công trình 4	806.157.924	6.032.124.833
Xí nghiệp công trình 5	1.474.096.000	2.589.380.999
Xí nghiệp công trình 6	274.417.600	527.700.896
Xí nghiệp công trình 7	876.685.000	313.000
Xí nghiệp công trình 8	-	361.194.407
Xí nghiệp công trình 9	3.976.650.947	4.587.090.400
Cộng	9.249.599.491	17.505.073.924

4.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1. Ngắn hạn				
- Phải thu của người lao động	59.488.474	-	188.020.838	-
+ Trích theo lương	-	-	182.981.400	-
+ Thuế TNCN	59.488.474	-	5.039.438	-
+ Khác	-	-	-	-
- Tạm ứng	12.501.660.717	-	7.691.689.620	-
+ Văn phòng	89.036.000	-	47.536.000	-
+ Xí nghiệp trực thuộc	12.412.624.717	-	7.644.153.620	-
- Ký cược, ký quỹ	9.720.773.968	-	8.344.877.347	-
- Phải thu khác	5.950.434.835	-	5.462.940.613	-
. Văn phòng	1.290.430.567	-	1.633.526.292	-
+ Phải thu về duy tu	-	-	4.187.273	-
+ Công ty TNHH ĐT XD CT Cầu Phà	457.400.000	-	927.400.000	-
+ XD trạm ép rác kín phường Thạnh Mỹ Lợi Q2	595.548.719	-	695.548.719	-
+ Lãi dự thu	23.589.039	-	-	-
+ Phải thu khác	213.892.809	-	6.390.300	-
. Xí nghiệp	4.660.004.268	-	3.829.414.321	-
+ Xí nghiệp công trình 1	451.878.553	-	140.046.858	-
+ Xí nghiệp công trình 2	553.867.805	-	589.843.858	-
+ Xí nghiệp công trình 3	1.493.955.479	-	1.329.561.460	-
+ Xí nghiệp công trình 4	273.676.005	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 5	253.407.320	-	253.407.318	-
+ Xí nghiệp công trình 6	2.151.478	-	1.695.666	-
+ Xí nghiệp công trình 7	480.089.162	-	284.521.984	-
+ Xí nghiệp công trình 8	598.797.489	-	717.013.208	-
+ Xí nghiệp công trình 9	552.180.977	-	513.323.969	-
Cộng	28.232.357.994		21.687.528.418	

5.2. Dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

6 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Cty CP ĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
- Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	719.946.000	719.946.000	719.946.000	719.946.000
- Thương mại Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316
- Công ty Cổ phần Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000
- Cty DV bưu chính Viễn thông Sài Gòn	121.129.724	121.129.724	121.129.724	121.129.724
- Ủy ban nhân dân Quận 3	222.928.618	222.928.618	222.928.618	222.928.618
- Khác	313.007.472	313.007.472	-	-
Cộng	8.165.332.344	8.165.332.344	7.852.324.872	7.852.324.872

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	59.580.896.220		62.359.920.127	
- Công cụ, dụng cụ	4.396.704.758		3.061.228.081	
- Chi phí SXKDD	25.934.245.254		22.068.936.272	
Cộng	89.911.846.232	-	87.490.084.480	-

8 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		
8.2. Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	-	4.586.954.545
+ Xe quét đường	-	4.586.954.545
Cộng	-	4.586.954.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.001.163.688	5.036.393.063	54.215.549.240	706.540.272	-	71.959.646.263
- Mua trong năm	-	-	9.956.097.273	49.800.000	-	10.005.897.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.001.163.688	5.036.393.063	64.171.646.513	756.340.272	-	81.965.543.536
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.061.896.130	4.573.516.946	39.027.970.364	706.540.272	-	45.369.923.712
- Khấu hao trong năm	491.455.368	154.470.644	4.733.096.684	6.640.000	-	5.385.662.696
- Điều chỉnh tăng, giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.553.351.498	4.727.987.590	43.761.067.048	713.180.272	-	50.755.586.408
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.939.267.558	462.876.117	15.187.578.876	-	-	26.589.722.551
Tại ngày cuối năm	10.447.812.190	308.405.473	20.410.579.465	43.160.000	-	31.209.957.128

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	-	-	173.100.000	173.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	173.100.000	173.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	173.100.000	173.100.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng do phân loại	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	173.100.000	173.100.000
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
11.1 Ngắn hạn		
a. Văn phòng	-	-
b. Xí nghiệp	11.074.232.346	12.157.559.754
+ Xí nghiệp công trình 1	44.764.593	-
+ Xí nghiệp công trình 2	1.754.796.491	1.097.545.457
+ Xí nghiệp công trình 4	6.117.860.270	6.270.318.220
+ Xí nghiệp công trình 5	-	-
+ Xí nghiệp công trình 6	-	1.200.000
+ Xí nghiệp công trình 7	1.097.229.652	584.459.348
+ Xí nghiệp công trình 8	724.826.403	3.687.202.851
+ Xí nghiệp công trình 9	1.334.754.937	516.833.878
Cộng	<u>11.074.232.346</u>	<u>12.157.559.754</u>
11.2 Dài hạn		
a. Văn phòng	6.270.972.565	8.135.840.170
+ Công cụ dụng cụ	-	158.447.190
+ Lợi thế kinh doanh (*)	6.270.972.565	7.838.715.707
+ Khác	-	138.677.273
b. Xí nghiệp	-	-
Cộng	<u>6.270.972.565</u>	<u>8.135.840.170</u>

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng Công ty	9.933.590.893	9.933.590.893	17.268.543.598	17.268.543.598
CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn	3.375.551.769	3.375.551.769	4.814.966.548	4.814.966.548
Công ty TNHH ĐT XD & PT CTGT 6	46.522.300	46.522.300	46.522.300	46.522.300
- Cty TNHH TM DV Thi công XD cầu đường Hồng	3.330.330.499	3.330.330.499	5.535.329.166	5.535.329.166
- CTCP Vận tải TM XD Công nghiệp Đức Long	-	-	3.526.600.000	3.526.600.000
- Khác	3.181.186.325	3.181.186.325	3.345.125.584	3.345.125.584
b. Xí nghiệp	104.082.911.880	104.082.911.880	117.152.688.556	117.152.688.556
Xí nghiệp công trình 1	5.952.907.820	5.952.907.820	11.982.818.210	11.982.818.210
Xí nghiệp công trình 2	4.066.993.867	4.066.993.867	4.483.448.007	4.483.448.007
Xí nghiệp công trình 3	8.821.263.350	8.821.263.350	5.673.200.729	5.673.200.729
Xí nghiệp công trình 4	10.792.183.011	10.792.183.011	47.360.085.458	47.360.085.458
Xí nghiệp công trình 5	14.166.915.491	14.166.915.491	12.307.389.493	12.307.389.493
Xí nghiệp công trình 6	8.491.056.529	8.491.056.529	1.151.110.620	1.151.110.620
Xí nghiệp công trình 7	28.158.825.374	28.158.825.374	13.411.034.321	13.411.034.321
Xí nghiệp công trình 8	10.726.777.506	10.726.777.506	8.684.879.928	8.684.879.928
Xí nghiệp công trình 9	12.905.988.932	12.905.988.932	12.098.721.790	12.098.721.790
Cộng	114.016.502.773	114.016.502.773	134.421.232.154	134.421.232.154

12.2. Phải trả người bán là các bên liên quan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

. 13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.388.268.089	6.546.280.625	7.552.817.549	-	381.731.165
Thuế giá trị gia tăng khấu trừ	8.148.310.814	-	22.797.510.095	24.714.164.457	6.231.656.452	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	639.987.911	-	2.570.877.221	2.500.000.000	569.110.690	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.989.630	-	366.510.863	411.000.008	137.478.775	-
Tiền thuế đất	-	-	598.225.928	1.005.647.488	407.421.560	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	8.881.288.355	1.388.268.089	32.882.404.732	36.186.629.502	7.345.667.477	381.731.165

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
14.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	4.655.800	49.393.000
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	80.870.972.314	48.416.946.841
<i>Văn phòng</i>	<i>4.147.160.570</i>	<i>6.708.090.019</i>
+ BDH cảng Bến Dầm	-	-
+ Phòng kinh doanh	1.076.370.204	765.436.930
+ Phòng kế hoạch đầu tư	-	-
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	50.474.484	50.474.484
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	1.336.089.647	1.336.089.647
+ BDH sửa chữa cầu Long Kiểng H. Nhà Bè	-	-
+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	-
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	198.573.750	4.078.730.495
+ Đoàn Thanh Niên	-	-
+ Khác	1.485.652.485	477.358.463
<i>Xí nghiệp</i>	<i>76.723.811.744</i>	<i>41.708.856.822</i>
+ Xí nghiệp công trình 1	21.354.661.523	15.787.054.141
+ Xí nghiệp công trình 2	13.482.508.483	4.590.152.047
+ Xí nghiệp công trình 3	633.120.095	633.120.095
+ Xí nghiệp công trình 4	25.213.696.858	2.269.526.718
+ Xí nghiệp công trình 5	380.166.749	383.189.614
+ Xí nghiệp công trình 6	199.844.545	5.314.851.000
+ Xí nghiệp công trình 7	4.889.069.775	2.762.867.415
+ Xí nghiệp công trình 8	8.298.898.622	5.645.755.836
+ Xí nghiệp công trình 9	2.271.845.094	4.322.339.956
Cộng	80.875.628.114	48.466.339.841

14.2. Dài hạn

14.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

15.1. Ngắn hạn

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	35.005.288.756	35.005.288.756	39.532.870.339	66.220.710.273	8.317.448.822	8.317.448.822
Cộng	35.005.288.756	35.005.288.756	39.532.870.339	66.220.710.273	8.317.448.822	8.317.448.822

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Hạn mức	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2021	Hình thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM - 01/2021/94435/HĐTD	31/08/2021	Bổ sung vốn lưu động	350.000.000.000	Theo giải ngân	8.317.448.822	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn - 4733.21.201.3484956.TD	28/01/2021	Bổ sung vốn lưu động	475.000.000.000	Theo giải ngân	-	Theo quy định của MB từng thời kỳ
Cộng			825.000.000.000		8.317.448.822	

15.2. Dài hạn

15.3. Các khoản nợ thuế tài chính

15.4. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân nhất	Cộng
Số dư đầu năm trước	91.000.000.000	59.467.052	1.577.505.223	7.597.165.621	100.234.137.896
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	11.830.436.795	11.830.436.795
- Chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	450.634.241	(450.634.241)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	(2.160.158.560)	(2.160.158.560)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2019	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Giám khác	-	(59.467.052)	-	(462.445.618)	(521.912.670)
Số dư đầu năm nay	91.000.000.000	-	2.028.139.464	8.164.363.997	101.192.503.461
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	9.878.001.412	9.878.001.412
- Chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	591.521.840	(591.521.840)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (*)	-	-	-	(2.366.087.359)	(2.366.087.359)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2020 (*)	-	-	-	(5.005.000.000)	(5.005.000.000)
- Giám khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	91.000.000.000	-	2.619.661.304	10.079.756.210	103.699.417.514

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ-CTCP-HĐQT ngày 26/04/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu"

	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị vốn
+ Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Lê Hữu Châu	8,71%	793.000	7.930.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lân	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Hoàng Mạnh Hào	10,74%	977.100	9.771.000.000
+ Cổ đông khác	22,26%	2.026.000	20.260.000.000
Cộng	100,00%	9.100.000	91.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận"

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	9.100.000.000

c. Cổ phiếu"

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		10,0%

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp trong năm	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

18.1. Tài sản nhận giữ hộ

18.2. Ngoại tệ các loại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	377.607.448.611	445.534.839.667
- Doanh thu khác	687.274.504	1.072.263.004
Cộng	378.294.723.115	446.607.102.671

1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	344.332.413.257	407.248.718.460
- Giá vốn khác	655.694.157	1.022.644.831
Cộng	344.988.107.414	408.271.363.291

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	961.008.568	1.450.198.336
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.000.000	374.400.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.072.940
Cộng	1.044.008.568	1.835.671.276

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay, trong đó:	1.209.439.243	1.767.004.650
+ Văn phòng	-	144.814.275
+ Các xí nghiệp	1.209.439.243	1.622.190.375
Cộng	1.209.439.243	1.767.004.650



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	202.318.182
- Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	-	5.454.546
- Thu nhập khác	-	-
Cộng	-	207.772.728

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý nhượng bán	-	103.073.194
- Chi phí thanh lý dạt cầu	-	831.796.045
- Truy thu thuế	-	6.950.000
- Phạt chậm nộp	-	9.066.130
Cộng	-	950.885.369

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	398.481.190	359.113.736
- Chi phí nhân viên quản lý	10.416.212.366	11.864.053.306
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.323.848.972	3.726.008.562
- Thuế, phí, lệ phí	783.044.108	1.010.727.357
- Chi phí dự phòng	313.007.472	344.058.342
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.482.444.615	4.380.467.795
- Chi phí khác bằng tiền	975.267.670	1.107.706.529
Cộng	20.692.306.393	22.792.135.627



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.570.877.221	3.005.563.216
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước ảnh hưởng đến chi phí thuế thu nhập chịu thuế năm nay	-	33.157.727
Cộng	2.570.877.221	3.038.720.943

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.448.878.633	14.869.157.738
+ Các khoản điều chỉnh tăng	488.507.472	533.058.342
Chi phí tiền lương & thù lao HĐQT không chuyên trách	175.500.000	189.000.000
Chi phí dự phòng	313.007.472	344.058.342
+ Các khoản điều chỉnh giảm	83.000.000	374.400.000
Lợi nhuận sau thuế công ty con	83.000.000	374.400.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	12.854.386.105	15.027.816.080
+ Thuế suất thông thường	20%	20%
+ Thuế TNDN hiện hành tính trên TN chịu thuế năm nay	2.570.877.221	3.005.563.216
+ Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành.	-	33.157.727
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.570.877.221	3.038.720.943

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu".

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong năm tài chính Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Doanh nghiệp không phát sinh việc trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	39.532.870.339	79.167.679.921

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	66.220.710.273	82.258.717.247

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3 . Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan

- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)
- Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

Mối quan hệ

- Cổ đông lớn 40%
- Công ty con

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Trả cổ tức	3.640.000.000	3.276.000.000
+ Phải thu phần vốn nhà nước khi cổ phần hoá	-	462.445.618
+ Các khoản phải nộp khác	-	85.667.612
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà		
+ Phải thu lợi nhuận	83.000.000	374.400.000
+ Lợi nhuận thu được	553.000.000	-

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Phải trả cổ tức	-	1.638.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà		
+ Phải thu lợi nhuận từ Công ty con	457.400.000	927.400.000

4 . Quỹ lương thực hiện của Tổng giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, Người phụ trách QT và Ban kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương của Tổng Giám đốc	326.000.000	350.000.000
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Người phụ trách QT	1.001.000.000	1.078.000.000
Trong đó:		
+ Chủ tịch HĐQT	351.000.000	378.000.000
+ Các thành viên HĐQT (4 thành viên)	234.000.000	252.000.000
Cộng	1.327.000.000	1.428.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2021

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

5 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6 . Số liệu so sánh

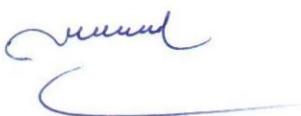
Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu

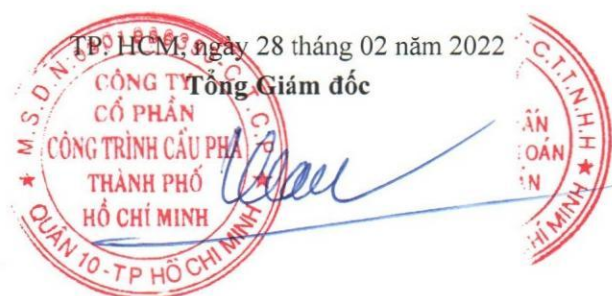


Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương



Lê Hữu Châu